

Số: 155/2020/QĐST-HNGĐ

Ô Môn, ngày 07 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 168/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu vực C, phường T, quận M, TP Cần Thơ.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị Tuyết N**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu vực C, phường T, quận M, TP Cần Thơ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29/6/2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Lê Thị Tuyết N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: anh Lê Văn H và chị Lê Thị Tuyết N thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh H, chị N xác định có 02 con chung, Lê Thành Đ, sinh ngày 18/7/2008 và Lê Thị Ngọc Y sinh ngày 17/6/2014. Anh H, chị N thống nhất thỏa thuận giao

con chung Lê Thành Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và giao Lê Thị Ngọc Y cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi Lê Thị Ngọc Y, chị N không phải cấp dưỡng nuôi Lê Thành Đ.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Lê Văn H, chị Lê Thị Tuyết N. Không ai được quyền cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp khi có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- *Án phí hôn nhân*: Anh Lê Văn H tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 011027 ngày 03/6/2020, anh H được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tại chi cục thi hành án quận Ô Môn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lưu Thị Hồng Nương**